

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA TRÁI PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH MUA TRÁI PHIẾU



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/UBCK – GPĐKKD ngày 26/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 07/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2017 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp)

V/v: PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 3 số 2A Đại Cồ Việt, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

ĐT: 0243 5739769

Fax: 0243 5739779

Tháng 08/2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU THEO PHƯƠNG THỨC RIÊNG LẺ

DOANH NGHIỆP: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/UBCK – GPHĐKD ngày 26/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 07/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2017 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp)

Phần 1

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Tên doanh nghiệp phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest
2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
3. Tổng số lượng trái phiếu phát hành: **1000 trái phiếu** (*Một nghìn trái phiếu*)
4. Tổng giá trị phát hành: **50.000.000.000 đồng** (*Năm mươi tỷ đồng*)
5. Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ chức phát hành.
6. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
 - Kỳ hạn trái phiếu: 02 năm
 - Mệnh giá: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*)
 - Loại hình trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm
 - Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ
 - Lãi suất danh nghĩa dự kiến: 13%/năm
7. Mua lại trái phiếu trước hạn:
 - Sau thời gian tối thiểu 06 tháng kể từ Ngày phát hành, Tổ chức phát hành có thể đề nghị mua lại trái phiếu. Mỗi người sở hữu trái phiếu có quyền quyết định có bán lại trái phiếu trước hạn cho Tổ chức phát hành hay không.
 - Sau thời gian tối thiểu 06 tháng kể từ Ngày phát hành, Người sở hữu trái phiếu được quyền yêu cầu và Tổ chức phát hành có nghĩa vụ mua lại trái phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người sở hữu trái phiếu trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu mua lại trước hạn của Người sở hữu trái phiếu.
 - Giá mua lại trước hạn bằng mệnh giá của trái phiếu tương ứng cộng với (i) tiền lãi kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ trả lãi diễn ra sự kiện mua lại cho đến nhưng không

bao gồm ngày thực hiện mua lại với lãi suất là 8%/năm. Tiền lãi thanh toán của các Kỳ trả lãi trước tương ứng với lãi suất 13%/năm.

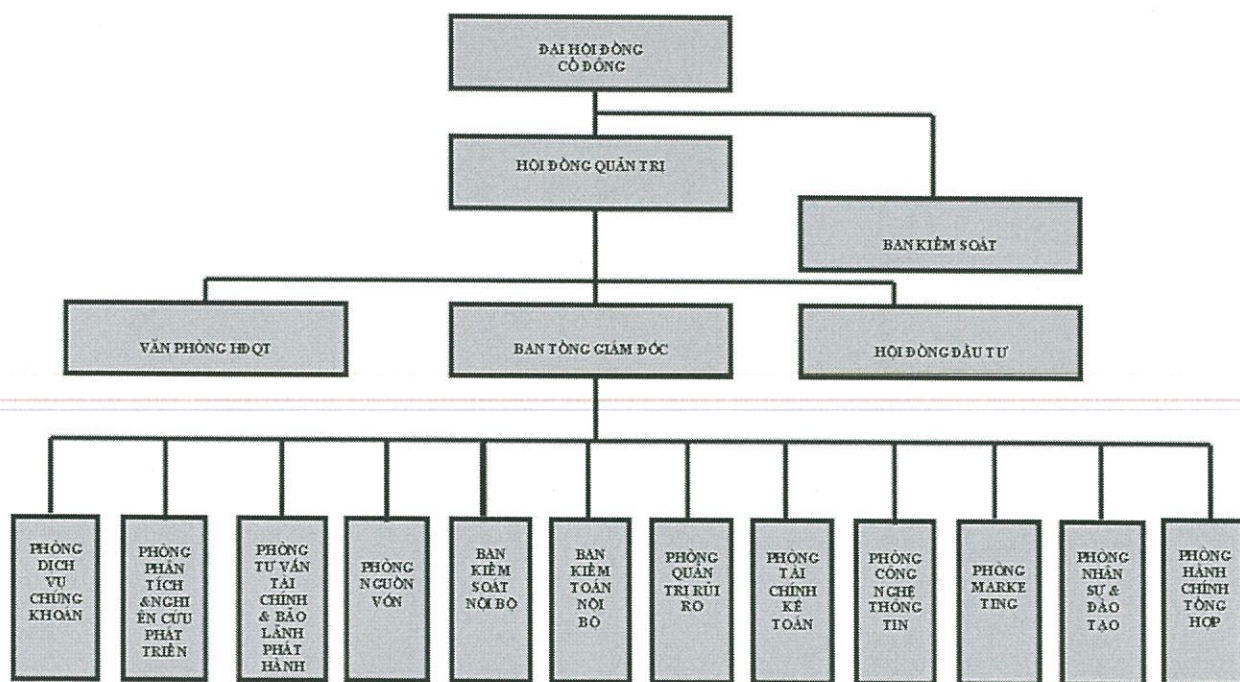
8. Ngày phát hành dự kiến: Cuối Quý III hoặc Quý IV/2019
9. Giao dịch trái phiếu:
 - Trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu chỉ được giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
 - Kỳ hạn trái phiếu là 02 năm. Công ty thanh toán lãi định kỳ vào ngày tròn 06 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành đến ngày đáo hạn trái phiếu. Gốc trái phiếu sẽ được Công ty thanh toán vào ngày đáo hạn trái phiếu.
10. Địa điểm phát hành và thanh toán gốc, lãi trái phiếu: Trụ sở chính Công ty Cổ Phần Chứng khoán SmartInvest: Tầng 3 số 2A Đại Cồ Việt, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
11. Đăng ký, lưu ký trái phiếu: Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc đợt phát hành, số lượng trái phiếu đã phát hành sẽ được lưu ký, và quản lý chuyển nhượng tại SMARTSC theo đúng quy định tại khoản 8 Điều 6 Nghị định 163/2018/NĐ-CP.

Phần 2**THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU****I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:**

- 26/12/2006 : Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh chính thức thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 38/UBCK – GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp với vốn điều lệ 22 tỷ đồng và nghiệp vụ hoạt động bao gồm: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán
- 10/03/2011 : Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico.
Chuyển trụ sở chính từ Số 30 Phố Mai Hắc Đế, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội đến Số 7, ngõ 2, đường 80, tổ 80, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- 19/10/2015 : Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico thành Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest
Chuyển trụ sở chính từ Số 7, ngõ 2, đường 80, tổ 80, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội đến Tầng 4, Số 70 Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thay đổi người đại diện trước pháp luật
- 12/10/2016 : UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 36/GPĐC-UBCK ngày 12/10/2016 về việc tăng vốn điều lệ lên 310 tỷ đồng để thực hiện nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành
- 27/02/2017 : UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 07/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2017 về việc SMARTSC được thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ gồm: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Bảo lãnh phát hành
Chuyển trụ sở chính từ Tầng 4, Số 70 Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội đến Tầng 3, số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

2. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST



(Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest)

2.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

2.2 Hội đồng quản trị

Là tổ chức quản trị, điều hành cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra; HĐQT hiện tại gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty trong tổ chức thực hiện các quyết nghị, nghị quyết của ĐHĐCD, HĐQT trên cơ sở Điều lệ và các quy định nội bộ.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị hiện tại gồm:

- 1 Ông Nguyễn Đức Hiếu : Chủ tịch HĐQT.
- 2 Ông Nguyễn Minh Dũng : Thành viên HĐQT
- 3 Ông Bùi Bảo Toàn : Thành viên HĐQT

2.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm ba (03) thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá tính tuân thủ, tính chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ liên quan đến mọi mặt hoạt động của công ty.

Chủ trì công tác: Giám sát trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động được ĐHĐCĐ quyết nghị; tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ ... đưa ra các khuyến cáo, kết luận về sai phạm, bất hợp lý, thiếu hiệu quả trong hoạt động hoặc cảnh báo những rủi ro về pháp luật, về lợi ích kinh tế có thể xảy ra.

Giám sát đảm bảo tính hợp pháp, tính trung thực, hợp lý và mức độ cần trọng cần thiết của bộ máy trong công tác kế toán, thống kê, xây dựng các Báo cáo tài chính doanh nghiệp và phối hợp trong thuyết minh, thuyết trình với cơ quan chức năng (bộ ngành, kiểm toán nhà nước, cơ quan thuế, kiểm toán độc lập...) nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp, chính đáng của công ty, cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế, quy định nội bộ.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập một cách tương đối về nghiệp vụ với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trên cơ sở Điều lệ, quy chế Quản trị, và quy chế Tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Công ty.

Ban Kiểm soát gồm:

- 1 Bà Đào Thanh Huyền : Trưởng ban
- 2 Ông Lê Đức Hoàng : Thành viên
- 3 Bà Bùi Thị Quỳnh Anh : Thành viên

2.4 Hội đồng đầu tư:

Hội đồng đầu tư (HĐĐT) được thành lập theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoạt động theo Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng đầu tư. HĐĐT là cơ quan thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT trong việc quyết định đầu tư, quản lý, giám sát chất lượng và cơ cấu đầu tư, các quyết định đầu tư kinh doanh chứng khoán của Công ty; Phê duyệt giới hạn rủi ro đầu tư, chính sách kinh doanh chứng khoán, kiểm soát nội bộ và đảm bảo việc tuân thủ những chính sách và quy định này.

2.5 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc

thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ quy định.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc được phân công, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Giám đốc giao. Tổng Giám đốc quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Tổng Giám đốc bằng văn bản phân công nhiệm vụ.

Khi Tổng giám đốc vắng mặt, một Phó Tổng giám đốc được ủy quyền thay mặt Tổng giám đốc để giải quyết công việc chung của SmartInvest và phải chịu trách nhiệm về các công việc mà mình đã quyết định trong thời gian ủy quyền.

Ban Tổng Giám đốc hiện tại gồm:

- 1 Bà Ngô Thị Thùy Linh: Tổng giám đốc.
- 2 Ông Bùi Bảo Toàn: Phó Tổng giám đốc.

2.6 Văn phòng Hội đồng quản trị

Văn phòng HĐQT là bộ phận giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị Công ty, thực hiện chức năng, nhiệm vụ:

- Thư ký Công ty;
- Chịu trách nhiệm soạn thảo các quyết định, quy chế, quy định thuộc thẩm quyền ban hành của HĐQT;
- Thẩm định các văn bản do Ban Tổng Giám đốc soạn thảo trước khi trình HĐQT ban hành, phê duyệt;
- Quản lý cổ đông, cổ phiếu, cổ phần của Công ty;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của HĐQT.

2.7 Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

a) Phòng Dịch vụ Chứng khoán

Phòng Dịch vụ chứng khoán thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán cho Nhà đầu tư:

- Mở và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán niêm yết cho Nhà đầu tư;
- Hướng dẫn, hỗ trợ và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng;

- Khai thác và phát triển mạng lưới khách hàng;
- Quản lý và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khách hàng;
- Tư vấn đầu tư cho khách hàng;
- Làm trung gian giao dịch cổ phiếu OTC, thực hiện quản lý cổ đông.

b) Phòng Phân tích và Nghiên cứu phát triển

Bộ phận Phân tích

Bộ phận Phân tích – Nghiên cứu của SmartInvest gồm hai mảng chính là Back Office và Front Office.

Mảng Back Office. Thực hiện các nhiệm vụ:

- Tập hợp, xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, phân tích, chọn lọc chứng khoán;
- Đưa ra các báo cáo phân tích nhằm phục vụ cho định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty, hỗ trợ hoạt động của các bộ phận Môi giới chứng khoán và đưa ra những khuyến nghị đến nhà đầu tư.

Mảng Front Office. Sử dụng các báo cáo phân tích mảng Back Office và kinh nghiệm tìm hiểu thị trường để thực hiện:

- Phân tích đánh giá thị trường, thuyết trình trước nhà đầu tư về nhận định thị trường hàng ngày, tuần; Tiếp xúc tư vấn đầu tư cho các tổ chức, cá nhân đầu tư tại công ty.
- Phối hợp tìm hiểu doanh nghiệp. Tổ chức hội thảo, thuyết trình về cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp, các mã cổ phiếu, và các chủ đề khác trong nền kinh tế;

Các sản phẩm Phân tích:

- Báo cáo tư vấn đầu tư;
- Báo cáo chiến lược đầu tư;
- Báo cáo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối;
- Báo cáo phân tích ngành; doanh nghiệp;
- Bản tin thị trường hàng ngày, tuần, tháng;

Bộ phận Tự doanh

Gồm các cán bộ dày dặn kinh nghiệm, am hiểu thị trường tài chính Việt Nam. Bộ phận tự doanh có chức năng quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động đầu tư tự doanh của Công ty, gồm các chức năng nhiệm vụ sau:

- Xây dựng chiến lược đầu tư theo ngành nghề, tỷ trọng hợp lý theo từng thời kỳ;
- Thu thập thông tin và thực hiện phân tích cơ hội đầu tư;
- Xây dựng và Quản lý danh mục đầu tư Cổ phiếu và Trái phiếu của Công ty;
- Thực hiện Đầu tư theo danh mục và hạn mức đã được phê duyệt.

Bộ phận tự doanh của SmartInvest chuyên thực hiện đầu tư vào chứng khoán (cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp). Với phương châm thận trọng, hiệu quả, SmartInvest chú trọng xây dựng danh mục chứng khoán đầu tư thỏa mãn tối ưu mục đích tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro. Bộ phận tự doanh của SmartInvest cũng luôn chú trọng tuân thủ quy định của pháp luật nhằm đảm bảo tránh tối đa xung đột lợi ích với khách hàng.

c) Phòng Tư vấn Tài chính và Bảo lãnh Phát hành

Phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành có chức năng cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng là các doanh nghiệp và thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành. Nhiệm vụ chính của Phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp: Tư vấn đăng ký niêm yết; Tư vấn chào bán chứng khoán; Tư vấn tái cấu trúc vốn...
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn khác: Tư vấn chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp; Tư vấn tổ chức đấu giá; Tư vấn cổ phần hóa; Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp; Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Triển khai hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phân phối chứng khoán;
- Thiết lập và phát triển mạng lưới khách hàng doanh nghiệp;

d) Phòng Tài chính kế toán

- Xây dựng và kiểm tra chế độ báo cáo tài chính kế toán toàn hệ thống;
- Thực hiện kế toán quản trị, kế toán tổng hợp;
- Thực hiện chức năng kế toán, thống kê phản ánh đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, liên tục, có hệ thống các hoạt động tài chính, tiền vốn, tài sản, chứng khoán của Công ty và nhà đầu tư theo đúng chế độ quy định của pháp luật.
- Lập Báo cáo chi tiết hàng kỳ về báo cáo tài chính theo quy định của Công ty và pháp luật;
- Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán theo quy chế tài chính và quy định chi tiêu nội bộ của công ty.

Phòng Kế toán tài chính bao gồm các bộ phận: *Kế toán giao dịch; Kế toán tổng hợp; Kế toán nội bộ; Kho - quỹ.*

e) Phòng Nguồn vốn

- Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Công ty;
- Lập kế hoạch nguồn và sử dụng vốn theo năm/quý/tháng;
- Phân bổ nguồn vốn cho các bộ phận nhằm sử dụng đạt hiệu quả cao nhất.

f) Phòng Nhân sự và đào tạo

Phòng Nhân sự và đào tạo có các nhiệm vụ chính như:

- Quản lý và đào tạo nhân sự;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Theo dõi biến động và thực hiện các biện pháp để ổn định và phát triển nhân sự, nguồn lực con người của Công ty;
- Xây dựng môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

g) Phòng Công nghệ thông tin

- Xây dựng và quản trị mạng và hệ thống nội bộ;
- Xây dựng và quản trị hệ thống an ninh, bảo mật về công nghệ thông tin;
- Quản trị các phần mềm ứng dụng nội bộ và dành cho khách hàng;
- Phát triển ứng dụng phục vụ quản trị và điều hành Công ty;
- Phát triển ứng dụng dành cho khách hàng;
- Xây dựng và quản lý trung tâm dữ liệu.

h) Phòng Marketing

Phòng Marketing & PR có chức năng xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty thông qua tuyên truyền, quảng bá hình ảnh SmartInvest tới công chúng và các hoạt động khác.

Phòng Marketing & PR thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Xây dựng và triển khai các kế hoạch truyền thông và PR theo định hướng phát triển của Công ty;
- Tổ chức các sự kiện;
- Tìm kiếm và xây dựng quan hệ với đối tác trong nước và Quốc tế;
- Xây dựng kế hoạch Quảng cáo và xúc tiến Quảng cáo;
- Tổ chức xuất bản các ấn phẩm của Công ty; ...

i) Ban Kiểm soát nội bộ

Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- Tách biệt tài sản của khách hàng;
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

j) Phòng Quản trị rủi ro

Chức năng quản trị rủi ro: thực hiện theo Điều 9 quy chế hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán theo Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của Công ty;
- Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh;
- Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Tổng Giám đốc;
- Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ;
- Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro;
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị phê duyệt;

- Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Tổng Giám đốc;
- Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của Công ty.

k) Ban Kiểm toán nội bộ

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty.

l) Phòng Hành chính tổng hợp

- Quản lý hành chính, văn thư, con dấu;
- Quản lý, mua sắm tài sản cố định và công cụ lao động của Công ty;
- Thực hiện công tác bảo vệ và an ninh;
- Đảm bảo các điều kiện cho hoạt động Công ty như: điện, nước, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phương tiện vận chuyển;
- Công tác lễ tân, phục vụ.

3. Hoạt động kinh doanh

3.1 Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest đang cung cấp các dịch vụ sau:

- Môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán;

- Lưu ký chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Dịch vụ tài chính hỗ trợ (cho vay margin và ứng trước tiền bán).

Bảng 1: Cơ cấu doanh thu hoạt động của Công ty

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		6 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	9.885.710.000	84,94%	2.447.500.000	3,31%	5.722.707.509	7,97%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	177.038.889	1,52%	-	-	2.242.500.000	3,12%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	93.905.185	0,81%	2.689.284.097	3,64%	1.135.891.573	1,58%
Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-	3.538.359.858	4,78%	-	-
Doanh thu NV môi giới chứng khoán	669.010.734	5,75%	60.068.584.896	81,22%	62.310.420.176	86,76%
Doanh thu NV bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	3.863.000.000	5,22%	45.000.000	0,06%
Doanh thu NV lưu ký chứng khoán	56.282.810	0,48%	262.801.511	0,36%	269.343.320	0,38%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	715.000.000	6,14%	1.034.500.328	1,40%	70.000.000	0,10%
Thu nhập hoạt động khác	41.189.080	0,35%	57.485.138	0,08%	25.427.185	0,03%

Tổng	11.638.136.698	100,00%	73.961.515.828	100,00%	71.821.289.763	100%
-------------	-----------------------	----------------	-----------------------	----------------	-----------------------	-------------

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

Nếu như năm 2017, hoạt động tự doanh là hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu hoạt động của Công ty, chiếm 84,94%. Thì năm 2018, hoạt động môi giới là hoạt động tạo ra doanh thu lớn nhất cho Công ty, với tỷ trọng chiếm 81,22% tổng doanh thu. Ngoài ra, năm 2018, cơ cấu doanh thu của Công ty có thêm doanh thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán và lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), hai mảng doanh thu này đóng góp lần lượt 5,22% và 4,78% trên tổng doanh thu hoạt động của Công ty.

a) Dịch vụ môi giới

Doanh thu nghiệp vụ môi giới của Công ty là phần phí giao dịch phải thu của khách hàng (0,15%-0,25% giá trị giao dịch tùy đối tượng khách hàng) sau khi trừ đi phí nộp cho Sở Giao dịch chứng khoán (0,03% giá trị giao dịch) và nộp cho TTLKCKVN (05 đồng cho 01 cổ phiếu).

Bảng 2: Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2019
Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán	186	403	116,67%	483
Tổng giá trị giao dịch của khách hàng	268.636.538.300	3.818.281.773.700	1321,36%	1.744.789.246.400
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	669.010.734	60.068.584.896	8878,72%	62.310.420.176

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

Năm 2018, doanh thu hoạt động môi giới của Công ty tăng 8878,72% so với năm 2017. Nguyên nhân là do:

- Tình hình kinh tế chính trị ổn định, thị trường chứng khoán có những diễn biến thuận lợi vào nửa cuối năm 2018, thu hút được nhiều nhà đầu tư mới cũng như những nhà đầu tư cũ bổ sung thêm nguồn tiền quay lại với thị trường chứng khoán.
- Từ cuối năm 2017 đến nay, Công ty đẩy mạnh việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ giao dịch chứng khoán (cho vay ứng trước tiền bán, dịch vụ cho vay margin,...), đã đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, theo đó nhiều nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch với giá trị lớn. Năm 2018, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại SMARTSC tăng lên 403 tài khoản, trong đó có 12 khách hàng là tổ chức.

b) Dịch vụ tài chính hỗ trợ

Trong năm 2018, Công ty đã đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cho vay margin và ứng trước tiền bán với lãi suất 0,038%/ngày. Theo đó, doanh thu từ các khoản cho vay tăng từ 93.905.185 đồng năm 2017 lên 2.689.284.097 đồng năm 2018 (tăng 2763,83%). Tỷ trọng doanh thu của hoạt động này cũng tăng từ 0,82% năm 2017 lên 3,64% năm 2018.

Bảng 3: Dư nợ và lãi từ các khoản cho vay, phải thu

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Năm 2017	Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
Dư nợ cho vay khách hàng (tại ngày cuối kỳ)	230.354.853	12.813.041.768	13.294.870.225
- Cho vay margin	-	11.320.280.172	11.844.217.449
- Ứng trước tiền bán	230.354.853	1.492.761.596	1.450.652.776
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	93.905.185	2.689.284.097	1.548.699.985
- Cho vay margin	-	1.317.010.506	999,867,092
- Ứng trước tiền bán	93.905.185	1.372.273.591	548,832,893

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

c) Hoạt động tự doanh

Hoạt động tự doanh được thực hiện với nguồn vốn của Công ty, cân đối giữa nhu cầu đầu tư tự doanh và nguồn vốn dành cho hỗ trợ khách hàng ứng trước tiền bán và vay margin, và trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột lợi ích của khách hàng và không ảnh hưởng đến dịch vụ cũng như sự hỗ trợ tài chính dành cho khách hàng.

Lãi hoạt động tự doanh (Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ) giảm từ 9.885.710.000 đồng năm 2017 xuống còn 2.447.500.000 đồng năm 2018 (giảm 75,24%). Tỷ trọng lãi hoạt động tự doanh giảm từ 84,94% năm 2017 xuống 3,31% năm 2018. Nguyên nhân là do thị trường chứng khoán nửa đầu năm 2018 có những diễn biến không thuận lợi, đồng thời hoạt động tự doanh của Công ty vẫn còn ở quy mô hạn chế. Điều này là do Công ty đang trong quá trình cơ cấu lại danh mục đầu tư, đồng thời tập trung nguồn lực cho đầu tư nâng cấp hệ thống và ưu tiên hỗ trợ khách hàng ứng, cho vay ký quỹ,...

d) Dịch vụ lưu ký

SMARTSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lẻ. SMARTSC xác định dịch vụ lưu ký là hoạt động hỗ trợ khách hàng. Do đó nguồn thu từ hoạt động chỉ mang tính chất bù đắp chi phí và gần như không phát sinh lợi nhuận.

e) Dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán

Trong năm 2018, Công ty có thêm nguồn doanh thu mới từ dịch vụ này, đạt 3.863.000.000 đồng, chiếm 5,22% tổng doanh thu hoạt động của Công ty. Nguyên nhân là do trong năm 2018, Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng với Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa Ốc (AAV), bảo lãnh phát hành trái phiếu với Công ty Cổ phần Du lịch sinh thái Kim Lan và Công ty Cổ phần Thời trang & May mặc Demoda.

f) Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và ngân hàng đầu tư

SMARTSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm: Dịch vụ thị trường vốn, Dịch vụ thị trường nợ, Tái cấu trúc, Mua bán, sáp nhập, tư vấn niêm yết, tư vấn phát hành... Hoạt động này tăng từ 715.000.000 đồng năm 2017 lên 1.034.500.328 đồng năm 2018, chiếm tỷ trọng không cao trong cơ cấu tổng doanh thu hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp vì đây là mảng hoạt động còn rất nhiều tiềm năng phát triển trong bối cảnh nền kinh tế có những diễn biến thuận lợi và thị trường chứng khoán có những dấu hiệu chuyển biến tích cực.

3.2 Cơ cấu chi phí

Bảng 4: Bảng chi phí hoạt động của Công ty

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		6 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	%/DTHĐ	Giá trị	%/DTHĐ	Giá trị	%/DTHĐ
Chi phí hoạt động	5.598.019.256	48,10%	43.460.462.038	58,76%	4.738.122.504	6,60%

- Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)(*)	-	-	34.808.155.799	47,06%	819.616.660	1,14%
- Chi phí hoạt động tự doanh	92.569.379	0,80%	141.471.456	0,19%	265.363.628	0,37%
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.780.592.233	41,08%	7.256.799.980	9,81%	2.867.406.275	3,99%
- Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	111.527.202	0,96%	278.769.081	0,38%	38.751.008	0,05%
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư CK	171.786.962	1,48%	-	-	166.335.869	0,23%
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	66.095.810	0,57%	734.846.615	0,99%	296.040.265	0,41%
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	375.447.670	3,23%	-	-	284.608.799	0,4%
- Chi phí các dịch vụ khác	-	-	240.419.107	0,33%	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý CTCK	5.438.662.575	46,73%	6.441.342.341	8,71%	3.533.969.727	4,92%
Chi phí khác	144	0,00%	31.949.009	0,04%	3.126.770.515	4,35%

Tổng cộng	11.036.681.975	94,83%	49.933.753.388	67,51%	11.398.862.746	15,87%
------------------	-----------------------	---------------	-----------------------	---------------	-----------------------	---------------

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC soát xét

6 tháng đầu năm 2019)

Chi phí hoạt động và chi phí quản lý CTCK là hai chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trên tổng doanh thu hoạt động hằng năm của Công ty. Năm 2018, chi phí hoạt động là 43.460.462.038 đồng, tăng 676,35%, nguyên nhân chủ yếu là do lỗ các tài sản tài chính (lỗ hoạt động tự doanh) năm 2018 là 34.808.155.799 đồng, chiếm 47,06% tổng doanh thu hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, chi phí môi giới cũng tăng từ 4.780.592.233 đồng năm 2017 lên 7.256.799.980 đồng năm 2018, tăng 51,80%.

Nhìn chung, tỷ trọng chi phí trên doanh thu hoạt động của SMARTSC thấp hơn so với một số công ty chứng khoán có quy mô gần tương đương.

(*): - Lỗ các tài sản tài chính đến từ hoạt động tự doanh trong năm 2018 vào 3 Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Thời trang Clothesrack, Công ty Cổ phần Bất động sản Liên Kết Việt và Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang (TGG). Nhận thấy thị trường chứng khoán trong năm 2018 tiềm ẩn nhiều rủi ro, Hội đồng quản trị đã đồng ý bán toàn bộ cổ phần đang nắm giữ của 3 Công ty trên để tái cơ cấu lại danh mục tự doanh.

- Lỗ các tài sản tài chính đến từ hoạt động tự doanh trong 6 tháng đầu năm 2019 vào Công ty Cổ phần nghe nhìn toàn cầu (AVG). Lãi các tài sản tài chính đến từ hoạt động tự doanh trong 6 tháng đầu năm 2019 vào 2 Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (MBG) và Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang (TGG).

3.3 Trình độ công nghệ

Hệ thống công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest được xây dựng hướng đến mục tiêu ổn định, tin cậy, đạt hiệu quả cao, bảo mật, dễ sử dụng, tiện dụng và đa dạng. Trải qua hơn 10 năm hoạt động và phát triển, trình độ công nghệ SMARTSC đang từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và quản trị hệ thống giao dịch.

3.4 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Để đạt được sự tăng trưởng trong thị trường cạnh tranh, các doanh nghiệp không chỉ phải hoàn thiện sản phẩm dịch vụ có sẵn mà còn phải liên tục phát triển các sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường.

Không nằm ngoài guồng quay đó, SMARTSC cũng phải liên tục nghiên cứu và cho ra đời những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Trong giai đoạn phục hồi và phát triển mạnh mẽ của thị trường, Công ty đang cố gắng phát triển các sản phẩm liên quan đến trái phiếu phân phối đến từng nhà đầu tư nhằm huy động nguồn vốn nhàn rỗi rất lớn từ thị trường, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp với đội ngũ tư vấn giàu kinh nghiệm.

SMARTSC kỳ vọng những hoạt động này sẽ đem lại lợi nhuận lớn trong tương lai. Ngoài ra, tùy từng thời kỳ hoạt động để phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, bộ phận phát triển sản phẩm sẽ nghiên cứu và trình lên Ban Lãnh đạo những đề xuất đổi mới sản phẩm dịch vụ phù hợp.

3.5 Tình hình Quản trị rủi ro

Rủi ro là điều tất yếu của hoạt động kinh doanh, lợi nhuận cao luôn song hành cùng rủi ro lớn, điều này đối với thị trường chứng khoán nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng được thể hiện vô cùng rõ ràng. Quản lý rủi ro là điều không thể thiếu đối với mọi doanh nghiệp nếu muốn tạo ra lợi nhuận cao. Do đó, việc quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty là một vấn đề quan trọng và được quan tâm hàng đầu. Để hạn chế những rủi ro có thể xảy ra, Công ty đã thành lập riêng Phòng Quản trị rủi ro. Mọi hoạt động của Phòng Quản trị rủi ro luôn độc lập với các bộ phận khác, thực hiện nguyên tắc khách quan, trung thực và thống nhất.

Phòng Quản trị rủi ro là bộ phận vừa tham vấn chính sách, giám sát rủi ro và vừa kiểm tra thực tế, đảm bảo mọi chính sách được thực thi phải nghiêm túc, đúng pháp luật và trong giới hạn rủi ro cho phép. Đồng thời, xác định những rủi ro tiềm ẩn để từ đó xây dựng các giải pháp, đảm bảo cho mọi hoạt động của Công ty diễn ra cân bằng ở mức hợp lý giữa lợi nhuận và chi phí quản trị rủi ro.

Để làm được điều đó, Phòng Quản trị rủi ro đã xây dựng chiến lược củng cố, hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty, thường xuyên cập nhật các quy trình, quy chế quản trị rủi ro đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty, đồng thời tăng niềm tin của nhà đầu tư và cổ đông đối với Công ty. Các biện pháp được đưa ra để quản trị rủi ro bao gồm:

- Xây dựng chiến lược để quản trị rủi ro
- Xây dựng đội ngũ giàu kinh nghiệm để quản trị rủi ro hiệu quả
- Giám sát và quản trị rủi ro chặt chẽ

3.6 Hoạt động Marketing

Để quảng bá hình ảnh của Công ty đến với khách hàng là cá nhân hay tổ chức, SMARTSC đã thực hiện các hoạt động PR thương hiệu như:

- Sử dụng website của SMARTSC như một kênh truyền thông hữu hiệu với những tin tức thị trường được cập nhật, những thông tin được công bố đầy đủ;
- Tổ chức các hoạt động truyền thông bên ngoài lẫn truyền thông nội bộ như tổ chức các buổi hội thảo nhận định và khuyến nghị đầu tư chứng khoán tại Công ty thông qua gửi các khuyến nghị và báo cáo tới các nhà đầu tư cũng như tạo điều kiện cho toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty tham gia hoạt động hàng tuần;
- Thông qua việc tổng kết các hoạt động năm cũ, du xuân chào đón năm mới để quảng bá hình ảnh Công ty đến toàn bộ cán bộ nhân viên của Công ty cũng như khách hàng thân thiết của Công ty;

- Tham gia quảng bá, giới thiệu về đầu tư và thị trường chứng khoán nhằm gia tăng sự hiểu biết của công chúng;
- Soạn thảo các thư chào dịch vụ và gửi cho khách hàng tiềm năng, vừa là để tiến tới ký kết hợp đồng, vừa là để truyền thông quảng bá hình ảnh và giới thiệu những sản phẩm dịch vụ của Công ty đến với nhiều khách hàng tiềm năng hơn.

3.7 *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

Logo và nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu số 314728 (Cấp theo Quyết định số 14717/QĐ-SHTT ngày 25/02/2019).

4. Các thông tin tài chính

4.1 *Các chỉ tiêu cơ bản (trong năm gần nhất)*

a) *Trích khấu hao TSCĐ*

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với các quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi và bổ sung thông tư 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Phần mềm quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	04 năm

b) Mức lương bình quân

Mức lương bình quân CBCNV của Công ty năm 2018 đạt: 11.800.000 đồng/người/tháng.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản vay nợ, không có nợ quá hạn.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định của Nhà nước và không có các khoản phải nộp quá hạn.

Bảng 5: Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	399.817.455
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	683.455.822	4.890.922.929	17.757.821.694
3	Thuế thu nhập cá nhân	166.435.448	2.012.291.496	1.562.835.442
Tổng		849.891.270	6.903.214.425	19.720.474.591

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC soát xét

6 tháng đầu năm 2019)

e) Trích lập các Quỹ theo luật định

Hiện nay, Công ty chưa trích lập các Quỹ.

f) Tổng dư nợ vay

Công ty không có các khoản vay nợ.

g) Tình hình công nợ hiện nay

❖ **Chi tiết các khoản phải thu**

Bảng 6: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
I	Phải thu ngắn hạn	10.901.708.419	30.377.170.049	44.702.105.306
1	Các khoản cho vay	230.354.853	12.813.041.768	13.294.870.225

2	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	10.120.000.000	7.250.000.001	7.250.000.001
3	Các khoản phải thu	177.038.889	2.360.682.752	14.033.327.511
3.1	<i>Phải thu bán các tài sản tài chính (*)</i>	-	222.000.000	5.632.587.600
3.2	<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC(**)</i>	177.038.889	2.138.682.752	8.400.739.911
4	Trả trước cho người bán (***)	33.000.000	6.829.556.117	8.868.737.288
5	Phải thu các dịch vụ công ty CK cung cấp	341.314.677	1.123.889.411	1.255.170.281
II	Phải thu dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

Các khoản cho vay tăng mạnh từ 230.354.853 đồng cuối năm 2017 lên 12.813.041.768 đồng cuối năm 2018 do từ đầu năm 2018 Công ty thực hiện cho vay margin và ứng trước tiền bán.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, các khoản phải thu tăng mạnh từ 2.360.682.752 đồng lên 14.033.327.511 đồng, tăng 494,46% so với đầu kỳ.

(*) Phải thu bán các tài sản tài chính tăng mạnh từ 222.000.000 đồng đầu kỳ lên 5.632.587.600 đồng đến từ việc phải thu khách hàng.

(**) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC tăng mạnh từ 177.038.889 đồng cuối năm 2017 lên 2.138.682.752 đồng cuối năm 2018 chủ yếu là tiền lãi khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo (Trái phiếu Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan và Công ty CP Thời trang may mặc Demoda). Trong 6 tháng đầu năm, khoản mục này tăng từ 2.138.682.752 đồng ở thời điểm cuối năm 2018 lên 8.400.739.911 đồng, đến từ việc phải thu tiền lãi đầu tư trái phiếu, giao dịch ký quỹ và tiền gửi có kỳ hạn.

(***) Trả trước cho người bán tăng mạnh từ 33.000.000 đồng cuối năm 2017 lên 6.829.556.117 đồng cuối năm 2018 chủ yếu là khoản ứng trước tiền cho ông Nguyễn Tiến

Long để thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 13/2018/HĐCN ngày 15/12/2018 giữa Công ty và ông Nguyễn Tiến Long để mua 44,44% vốn của Công ty TNHH Thương mại Tiến Minh Lao Cai. Đến thời điểm 25/3/2019 do Hợp đồng không thực hiện được nên Công ty đã thu hồi lại số tiền trên. Trong 6 tháng đầu năm, khoản trả trước cho người bán chủ yếu đến từ việc chuyển nhượng cổ phiếu giữa ông Phạm Phan Anh và Công ty CP Chứng khoán SmartInvest về việc Công ty CP Chứng khoán SmartInvest mua 330.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Tài chính Findex.

Bảng 7: Chi tiết các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
1	Phải thu phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	-	400.000.000	980.000.000
2	Phải thu phí LK của NĐT	-	341.314.677	245.715.959
3	Phải thu dịch vụ tư vấn	341.314.677	382.574.734	29.454.322
Tổng cộng:		341.314.677	1.123.889.411	1.255.170.281

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

❖ **Chi tiết các khoản phải trả**

Bảng 8: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
I	Nợ phải trả ngắn hạn	2.510.908.897	15.563.649.231	22.044.535.569
1	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-
2	Phải trả người bán ngắn hạn	653.655.773	754.082.094	699.372.253
3	Người mua trả tiền trước	155.000.000	32.000.000	52.000.000

	ngắn hạn			
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	849.891.270	6.903.214.425	19.720.474.591
5	Phải trả người lao động	-	26.835.455	536.154.980
6	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	-	41.794.595	140.677.446
7	Chi phí phải trả ngắn hạn	172.361.854	171.037.730	340.671.367
8	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	680.000.000	-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (*)	-	7.634.684.932	555.184.932
II	Nợ phải trả dài hạn	-	-	-
TỔNG CỘNG		2.510.908.897	15.563.649.231	22.044.535.569

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn bao gồm các khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Findex, bà Đinh Thị Hiền và khoản phải trả khác. Trong đó, khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Findex là 7.000.000.000 đồng, theo phụ lục hợp đồng môi giới chứng khoán số 01/HĐMGCK/SMART.HS ngày 29/11/2018 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Findex về việc thực hiện hợp đồng môi giới chứng khoán. Đến thời điểm 25/03/2019, Công ty đã thanh toán hết cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Findex khoản tiền này.

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 9: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		

TSLĐ/Nợ ngắn hạn	89,89 lần	16,89 lần
+ Hệ số thanh toán nhanh		
(TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	89,89 lần	16,89 lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,01 lần	0,05 lần
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,01 lần	0,05 lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	-	-
+ Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản		
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	3,79%	22,86%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	21,06%	26,07%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	3,83%	6,13%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	0,8%	5,96%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	5,31%	32,55%
5. Thu nhập trên cổ phần (EPS)	79,06 đồng	621,96 đồng

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017, 2018)

Xét về khả năng thanh toán, SMARTSC có hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017, 2018 ở mức cao. Do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính nên Công ty không có hàng tồn kho, do đó, hai hệ số này có giá trị như nhau. Năm 2018, hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn là 16,89 lần, thấp hơn so với năm 2017 là 89,89 lần. Nguyên nhân là do năm 2018, nợ phải trả ngắn hạn tăng. Tuy nhiên, khả năng thanh toán của Công ty vẫn ở mức tốt.

Về cơ cấu vốn, SMARTSC sử dụng nợ ở mức thấp, hệ số nợ/tổng tài sản của năm 2017, 2018 lần lượt là 0,01 lần và 0,05 lần.

Về năng lực hoạt động, hiệu suất sử dụng tài sản năm 2018 là 22,86%, cao hơn so với năm 2017 là 3,79%. Điều này cho thấy hiệu quả hoạt động của SMARTSC hiệu quả hơn so với năm 2017.

Về khả năng sinh lời, các chỉ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần, ROE, ROA năm 2017, 2018 đều ở mức cao, đặc biệt năm 2018, EPS của Công ty đạt 621,96 đồng/cổ phiếu, cao hơn rất nhiều so với 79,06 đồng/cổ phiếu của năm 2017 cho thấy sự phát triển vượt bậc của Công ty.

Bảng 10: Báo cáo về tỷ lệ an toàn tài chính năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng tại ngày 31/12/2018	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng tại ngày 30/06/2019
Tổng giá trị rủi ro thị trường	37.703.893.600	25.511.500.000
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	10.294.789.828	20.044.968.293
Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	50.000.000.000
Tổng giá trị rủi ro	107.998.683.428	95.556.468.293
Vốn khả dụng	243.612.599.943	303.022.109.400
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	225,57%	317,11%

*(Nguồn: BC tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại 31/12/2018
và 30/06/2019 đã được soát xét)*

5. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

5.1 Hội đồng quản trị

Bảng 11: Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
2	Nguyễn Minh Dũng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập

3	Bùi Bảo Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
---	--------------	---	---------------------------

a. Ông Nguyễn Đức Hiếu – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Số CMND : 012214633 - NC: 17/06/2005 - NC: Hà Nội
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 20/08/1982
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Hà Nội
 - Địa chỉ thường trú : Số 258 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội
 - Trình độ văn hóa : Đại học
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngành kế toán
 - Quá trình Công tác
 - Từ 2004 - 2005* : Chuyên viên Phòng Tài chính-Kế toán tại Công ty Cavico Việt Nam
 - Từ 2005 - 2007* : Ban đầu tư tại Ngân hàng TMCP Quân đội
 - Từ 2007-5/2017* : Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Xây dựng và hợp tác đầu tư Đất Việt.
 - Từ 5/2017-nay* : Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : không
 - Số cổ phần nắm giữ: : 1.639.265 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,29% vốn điều lệ của Công ty
- Trong đó:

- + *Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu* : 1.639.265 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,29% vốn điều lệ của Công ty.
- + *Số lượng cổ phần đại diện sở hữu* : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Công ty
- Số lượng cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

b. Ông Nguyễn Minh Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị

- Số hộ chiếu : B3255515 - NC: 23/06/2009 - NC: Cục quản lý XNC
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/03/1982
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 46/324 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư tin học

Từ 2006 – 2012 : *Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc tại Công ty CP TM và KT NMD*

Từ 2012 – 2016 : *Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Công nghệ phần mềm Sông Hồng*

-
- | | | |
|-----------------------|---|--|
| <i>Từ 3/2018- nay</i> | : | <i>Thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty CP Chứng khoán SmartInvest</i> |
|-----------------------|---|--|
-
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty CP Chứng khoán SmartInvest
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 - Số cổ phần nắm giữ: : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của công ty
 - Số lượng cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của công ty
-
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- c. Ông Bùi Bảo Toàn – Thành viên Hội đồng quản trị**
- Số CMND : 036074000086 - NC: 09/05/2014 - NC: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 10/09/1974
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Vụ Bản, Nam Định
 - Địa chỉ thường trú : Số 11, ngách 20 ngõ Trại Cá, đường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Trình độ văn hóa : Đại học
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Quá trình Công tác

- Từ 2013 - 2014* : Trưởng phòng môi giới 3 tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.
- Từ 2014-2016* : Trưởng phòng môi giới 6 tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
- Từ 2016-2017* : Phó phòng Tư vấn đầu tư tại Công ty CP Chứng khoán SmartInvest
- Từ 2017-nay* : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán SmartInvest
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ: : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của công ty
- Số lượng cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

3.1 Ban Tổng Giám đốc

Bảng 12: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ngô Thị Thùy Linh	Tổng giám đốc
2	Bùi Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc

a. Bà Ngô Thị Thùy Linh – Tổng Giám đốc

- Số CMND : 012064601 - NC: 15/01/2014 - NC: CA Hà Nội

-
- Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 13/08/1982
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Hà Nam
 - Địa chỉ thường trú : P107 – Tập thể Bưu chính Viễn thông
 - Trình độ văn hóa : Đại học
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
-
- Quá trình Công tác
 - Từ 2006 – 2007 : Chuyên viên kiểm toán tại Công ty TNHH Earn & Young Việt Nam*
 - Từ 2007 - 2010 : Chuyên viên Phân tích tại Công ty CP Chứng khoán Vincom*
 - Từ 2011 – 1/2012 : Chuyên viên môi giới tại Công ty CP Chứng khoán Hồ Chí Minh*
 - Từ 2/2012 – 3/2015 : Phó Giám Đốc phụ trách Tài chính Kế toán tại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest*
 - Từ 4/2015 đến nay : Tổng giám đốc tại Công ty CP Chứng khoán SmartInvest*
 - Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc tại Công ty CP Chứng khoán SmartInvest.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 - Số cổ phần nắm giữ: : 1.660.798 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,36% vốn điều lệ của Công ty
- Trong đó:
- + *Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu* : *1.660.798 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,36% vốn điều lệ của Công ty*

- + Số lượng cổ phần đại : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Công ty diện sở hữu
- Số lượng cổ phần của người : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Công ty có liên quan
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi : Không ích Công ty
- Các khoản nợ đối với Công : Không ty
- Lợi ích liên quan đối với : Không Công ty

b. Ông Bùi Bảo Toàn – Phó Tổng Giám đốc

Đã nêu trong phần Lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

3.2 Ban Kiểm soát

Bảng 13: Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đào Thanh Huyền	Trưởng BKS
2	Lê Đức Hoàng	Thành viên BKS
3	Bùi Thị Quỳnh Anh	Thành viên BKS

a. Bà Đào Thanh Huyền – Trưởng Ban kiểm soát

- Số CMND : 012378456 - NC: 10/02/2004 - NC: Công an TP Hà Nội
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 27/02/1986
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội

- Địa chỉ thường trú : Số 4 ngõ 1 Đê La Thành, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ
- Quá trình Công tác
Từ 2008-2014 : *Nhân viên sở giao dịch tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*
Từ 2015-nay : *Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty CP Chứng khoán SmartInvest*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Chứng khoán SmartInvest.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ: : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Công ty
- Số lượng cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

b. Ông Lê Đức Hoàng – Thành viên Ban kiểm soát

- Số CMND : 001079004609 - NC: 27/01/2015 - NC: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 26/04/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Hương Khê, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : P4-A4b-Tập thể ĐHKQTĐ
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ
- Quá trình Công tác
- Từ 2008-nay* : *Giảng viên trường ĐHKQTĐ*
- Từ 2018 - nay* : *Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Giảng viên trường ĐHKQTĐ
- Số cổ phần nắm giữ: : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Công ty
- Số lượng cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

c. Bà Bùi Thị Quỳnh Anh - Thành viên Ban kiểm soát

- Số CMND : 135542604 - NC: 10/07/2007 - NC: CA Vĩnh Phúc
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 09/03/1990
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú : Kim Lân, Hồng Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình Công tác
- Từ 2015-nay* : *Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Công ty CP Chứng khoán SmartInvest.*
- Từ 2016-nay* : *Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Chứng khoán SmartInvest*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ: : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Công ty
- Số lượng cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

3.3 Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Phong	Kế toán trưởng

a. Ông Nguyễn Đức Phong – Kế toán trưởng

- Số CMND : 038084000145 - NC: 01/08/2014 - NC: CA Hà Nội

-
- Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 06/10/1984
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Thanh Hóa
 - Địa chỉ thường trú : Tổ 22, Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội.
 - Trình độ văn hóa : Đại học
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
-
- Quá trình Công tác
 - Từ 2007-2009 : Nhân viên tại Tập đoàn HANAKA*
 - Từ 2009 – 2017 : Nhân viên tại Công ty TNHH Du lịch quốc tế Bảo Sơn*
 - Từ 6/2018 – 9/2018 : Phụ trách kế toán tại Công ty CP Chứng khoán SmartInvest.*
 - Từ 9/2018 – nay : Kế toán trưởng tại Công ty CP Chứng khoán SmartInvest*
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng tại Công ty CP Chứng khoán SmartInvest.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 - Số cổ phần nắm giữ: : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Công ty
 - Số lượng cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ của Công ty
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công : Không

ty

II. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Căn cứ pháp lý của đợt phát hành:

- Luật Doanh nghiệp năm 2014
- Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest số 14.../2019/NQ-HĐQT ngày 27./08/2019.

2. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp:

- Thời gian hoạt động của doanh nghiệp: Công ty hoạt động liên tục từ năm 2006 đến nay.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm trước liền kề năm phát hành:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng doanh thu hoạt động	11.638.136.698	73.961.515.828
2	Tổng chi phí hoạt động	5.598.019.256	43.460.462.038
3	Tổng doanh thu hoạt động tài chính	16.614.713	18.025.071
4	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	5.438.662.575	6.441.342.341
5	Kết quả hoạt động	618.069.580	24.077.736.520
6	Tổng kết quả hoạt động khác	2.516.257.389	93.925.991
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.134.326.969	24.171.662.511
8	Lợi nhuận kế toán sau thuế	2.450.871.147	19.280.739.582

- Số lượng nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu của đợt phát hành: Dưới 100 nhà đầu tư
- Phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại: văn bản số 14.../2019/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 08 năm 2019; cấp phê duyệt Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Tình hình thanh toán các khoản nợ trái phiếu đến hạn trong 03 năm liền kề trước đợt phát hành trái phiếu: Công ty chưa phát hành đợt trái phiếu nào trước kỳ phát hành 2019 này.
- Việc đáp ứng các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định pháp luật: đáp ứng tốt các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của pháp luật.
- Hợp đồng tư vấn ký với công ty chứng khoán: không có.

3. **Mục đích của đợt phát hành trái phiếu:** Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ chức phát hành.
4. **Tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành:** 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
5. **Điều kiện, điều khoản của trái phiếu:**
 - Kỳ hạn trái phiếu: 02 năm
 - Mệnh giá: 50.000.000 đồng/trái phiếu (Năm mươi triệu đồng/trái phiếu)
 - Loại hình trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm
 - Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ
 - Dự kiến lãi suất danh nghĩa: 13%/năm
6. **Ngày phát hành dự kiến:** Dự kiến phát hành trong cuối Quý III hoặc Quý IV/2019
7. **Phương thức chào bán:** Chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hình thức chào bán trực tiếp cho nhà đầu tư.
8. **Các tổ chức tham gia đợt phát hành:** Không có
9. **Quyền của nhà đầu tư sở hữu trái phiếu:**
 - Được tổ chức phát hành thanh toán lãi đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết;
 - Được quyền cho, biếu, tặng, để lại thừa kế, tự do chuyển nhượng (với điều kiện nhà đầu tư chuyển nhượng toàn bộ trái phiếu của mình cho 01 nhà đầu tư khác để đảm bảo điều kiện hạn chế chuyển nhượng) chiết khấu, cầm cố trái phiếu trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật;
 - Nhận chứng chỉ chứng nhận sở hữu trái phiếu theo quy định của Hợp đồng mua bán trái phiếu, các văn bản, thỏa thuận có liên quan
 - Quyền yêu cầu Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc và lãi trái phiếu theo quy định tại Hợp đồng mua bán trái phiếu, các văn bản, thỏa thuận có liên quan
 - Quyền sử dụng trái phiếu để chuyển nhượng, tặng cho, làm tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật
 - Các quyền khác có liên quan đến giao dịch mua bán trái phiếu theo quy định của pháp luật
10. **Phương thức thực hiện quyền:** Không có
11. **Cam kết về đảm bảo:** Không có
12. **Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu:**
 - Sau thời gian tối thiểu 06 tháng kể từ Ngày phát hành, Tổ chức phát hành có thể đề nghị mua lại trái phiếu. Mỗi người sở hữu trái phiếu có quyền quyết định có bán lại trái phiếu trước hạn cho Tổ chức phát hành hay không.

- Sau thời gian tối thiểu 06 tháng kể từ Ngày phát hành, Người sở hữu trái phiếu được quyền yêu cầu và Tổ chức phát hành có nghĩa vụ mua lại trái phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người sở hữu trái phiếu trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu mua lại trước hạn của Người sở hữu trái phiếu.
- Giá mua lại trước hạn bằng mệnh giá của trái phiếu tương ứng cộng với (i) tiền lãi kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ trả lãi diễn ra sự kiện mua lại cho đến nhưng không bao gồm ngày thực hiện mua lại với lãi suất là 8%/năm. Tiền lãi thanh toán của các Kỳ trả lãi trước tương ứng với lãi suất 13%/năm.

13. Cam kết của doanh nghiệp phát hành trái phiếu:

- Bảo đảm người sở hữu trái phiếu được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo trái phiếu;
- Có trách nhiệm thực hiện thanh toán chính xác, đúng hạn nợ gốc và lãi trái phiếu theo quy định tại Bản công bố thông tin chào bán trái phiếu và các văn bản, thỏa thuận liên quan.

14. Nhà đầu tư mua trái phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư trái phiếu, hạn chế về giao dịch trái phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

- 15. Các điều khoản và điều kiện khác:** Trái phiếu doanh nghiệp bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ**1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu:**

- Ngay sau khi hoàn thành đợt phát hành, toàn bộ số tiền thu được của nhà đầu tư sẽ được dùng để tăng quy mô vốn hoạt động kinh doanh của Công ty

2. Phương thức và kế hoạch thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư:

- Công ty trả lãi định kỳ 06 tháng/lần vào ngày tròn 06 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành trái phiếu đến ngày đáo hạn trái phiếu. Công ty sẽ thanh toán gốc vào ngày đáo hạn trái phiếu.

Lưu ý: Nếu ngày thanh toán trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc thanh toán sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

IV. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

Không có

V. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Rủi ro về kinh tế

- Nền kinh tế Việt Nam đang có sự phụ thuộc lớn vào các doanh nghiệp FDI. Năm 2009 doanh nghiệp FDI chỉ chiếm 30% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, thì năm 2017 đã lên mức trên 70%. Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2017 đạt mức kỉ lục trong vòng 10 năm qua và là một trong những yếu tố chính thúc đẩy nền kinh tế năm 2017. Tính đến cuối năm 2017 thì nền kinh tế nước ta có nhiều điểm sáng như tăng trưởng GDP các ngành lâm thủy sản tăng, kim ngạch xuất khẩu vượt mức kế hoạch, vốn FDI đạt mức cao nhất từ trước đến nay qua đó đã tác động ổn định kinh tế vĩ mô và tỷ giá. Trong năm 2018, Việt Nam sẽ chịu áp lực thu hút mới FDI để kéo tăng trưởng trong ngắn hạn khi cơ cấu tăng trưởng chưa được cải thiện. Ngoài ra, với một nước đang phát triển, thì việc lạm phát thấp dưới 5% trong nhiều năm qua cũng là thách thức cho tăng trưởng của Việt Nam do lạm phát thấp không khuyến khích đầu tư trên phương diện hoàn vốn.
- Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Từ đó đến nay, Việt Nam đã tham gia và đàm phán những Hiệp định song phương, đa phương với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới.
- Năm 2018, kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm lại hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn 2017 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực từ năm 2017, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.
- Tuy nhiên bất chấp những khó khăn đó, tiếp nối đà tăng trưởng từ năm 2017, tình hình kinh tế Việt Nam cả năm 2018 tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả nổi bật như: tăng trưởng GDP đạt 7,08% so với năm 2017 và là mức tăng cao nhất trong 11 năm qua. Mức tăng trưởng GDP năm 2018 vượt mục tiêu 6,7%. Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh. Nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố và từng bước được tăng trưởng.
- Năm 2019 có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020. Dự báo kinh tế thế giới trong năm 2019 vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Hoạt động thương mại quốc tế phức tạp hơn với các yếu tố khó lường bởi chủ

nghĩa bảo hộ nhiều nước, đặc biệt là căng thẳng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Ở trong nước, bên cạnh các điều kiện thuận lợi từ kết quả nổi bật trong năm 2018 về ổn định vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và đẩy mạnh hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế, kinh tế Việt Nam năm 2019 dự báo vẫn đối mặt với các thách thức đến từ nội tại của nền kinh tế như: trình độ công nghệ thấp, đất đai tài nguyên đang dần bị suy giảm trong khi năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế chưa có sự đột phá. Năm 2019, Chính phủ đề ra mục tiêu lạm phát ở mức khoảng 4%. Lạm phát Việt Nam năm 2019 sẽ chịu tác động từ môi trường quốc tế như giá xăng dầu, chiến tranh thương mại cũng như giá các mặt hàng nội địa.

2. Rủi ro về luật pháp

- Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống luật pháp và chính sách của Nhà nước, rủi ro pháp lý xảy ra trong quá trình chấp hành pháp luật do những thay đổi quy định hoặc không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật làm phát sinh ra sai sót, tranh chấp, kiện cáo... từ các bên có liên quan trong hoạt động của Công ty.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hoạt động của Công ty chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán do đó Công ty chấp hành các quy định của Luật Chứng khoán và các quy định khác có liên quan. Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan quản lý ngành dọc bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Tổng cục thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan thẩm quyền khác có liên quan. Hiện nay để đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế và thị trường chứng khoán, luật pháp về chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi về mặt chính sách nào xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Việc không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, thực hiện các giao dịch không được pháp luật cho phép có thể gây tổn hại đến uy tín Công ty.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định pháp luật, Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest luôn thực hiện nghiêm chỉnh việc giám sát, triển khai các quy trình để đảm bảo hoạt động đúng chuẩn mực và theo quy định của pháp luật. Một số biện pháp công ty thực hiện bao gồm: Xây dựng quy trình nghiệp vụ chi tiết, cập nhật hệ thống văn bản pháp luật, thiết lập hệ thống kiểm tra nội bộ, áp dụng biện pháp xử lý nghiêm khắc kịp thời đối với trường hợp vi phạm.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro trong hoạt động môi giới.

- Hoạt động môi giới là hoạt động chính của các công ty chứng khoán, đây chính là mảng hoạt động mang lại doanh thu và vị thế cho các công ty chứng khoán. Do đặc thù của hoạt động môi giới chứng khoán là hoạt động làm trung gian thực hiện lệnh mua bán cho khách

hàng và nhà đầu tư nên hoạt động môi giới tiềm ẩn rất nhiều rủi ro, trong đó nổi bật là các rủi ro trọng yếu như:

- + Rủi ro đạo đức nghề nghiệp do các cá nhân vi phạm đạo đức trong hành nghề môi giới nhằm trục lợi, gây tổn thất cho khách hàng và công ty chứng khoán thông qua các hành vi gian dối, giả mạo, hoặc thực hiện các giao dịch gây xung đột lợi ích mang lại nguồn lợi cá nhân
- + Rủi ro từ những sai sót, nhầm lẫn khi thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng có thể xảy ra với tần suất lớn do áp lực công việc cao, cả về khối lượng và thời gian thực hiện
- Để hạn chế và giảm thiểu tối đa các rủi ro trong hoạt động môi giới, Công ty đã xây dựng các quy trình, quy định về kiểm soát chặt chẽ tất cả các nghiệp vụ, đưa công nghệ vào quản trị hoạt động để giảm thiểu sai sót của con người trong quá trình tác nghiệp; khảo sát đánh giá và đào tạo nhân viên môi giới thường xuyên để nâng cao trình độ. Ngoài ra hệ thống kiểm soát độc lập bao gồm quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, ban kiểm soát được duy trì hoạt động đánh giá độc lập khách quan và liên tục rà soát nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các sự kiện có thể gây ra rủi ro cho Công ty.

3.2 Rủi ro trong hoạt động tự doanh

- Các phân tích và nhận định trong đầu tư được thực hiện dựa trên một loạt các phương pháp, tuy nhiên không phải lúc nào các nhận định và đánh giá cũng chính xác do còn phụ thuộc vào diễn biến thực tế của thị trường. Như vậy, các quyết định tự doanh tiềm ẩn các rủi ro tổn thất giá trị của tài sản tự doanh.

3.3 Rủi ro trong hoạt động cung cấp dịch vụ ký quỹ

- Ký quỹ (margin) đơn giản là hoạt động cho nhà đầu tư vay tiền để mua chứng khoán. Nếu công ty chứng khoán cho vay quá nhiều, trong khi các nhà đầu tư thua lỗ và không đủ khả năng trả nợ, công ty chứng khoán sẽ bị chiếm dụng vốn, rủi ro mất vốn và không đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định là rất cao. Vì vậy, công ty đã xây dựng hệ thống quản trị nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro này. Cụ thể như sau:
 - + Lựa chọn danh mục chứng khoán ký quỹ theo đúng tiêu chí đã đề ra;
 - + Có tỷ lệ ký quỹ phù hợp cho mỗi loại chứng khoán ký quỹ;
 - + Thường xuyên theo dõi, đánh giá sự biến động của thị trường để có thể thay đổi các chứng khoán trong danh mục ký quỹ phù hợp;
 - + Cập nhật hằng ngày danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;
 - + Thực hiện giải chấp tài sản để thu hồi vốn vay khi tỷ lệ ký quỹ của khách hàng suy giảm đến mức nhất định, có bộ phận quản trị rủi ro riêng biệt để liên tục đánh giá và thay đổi tỷ lệ cho vay, room cho vay đối với từng mã cổ phiếu.

3.4 Rủi ro về nguồn nhân lực

- Trong hoạt động của công ty chứng khoán ngoài yếu tố về thương hiệu, công nghệ thì sự ổn định và trình độ chuyên môn của nguồn nhân lực, nhất là nhân sự cấp cao là yếu tố tối quan

trọng đối với hoạt động kinh doanh của công ty. Khi cần thêm nhân sự hoặc có biến động về nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao, rất khó để tìm kiếm nhân sự phù hợp.

- Do đó, để phòng ngừa rủi ro này, SMARTSC cần sử dụng các chính sách thu hút nhân tài như lương, thưởng, tạo mọi điều kiện làm việc tốt nhất có thể cho nhân viên. Đồng thời công ty liên tục tổ chức các buổi tập huấn, trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ nhân viên.

3.5 *Rủi ro thanh toán*

- Rủi ro thanh toán phát sinh khi công ty chứng khoán thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch phát sinh trong ngày như thanh toán bù trừ với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, thanh toán các nghĩa vụ đến hạn của công ty chứng khoán đối với đối tác, cơ quan ban ngành. Rủi ro này có thể dẫn đến nguy cơ công ty chứng khoán bị đình chỉ hoạt động kinh doanh làm ảnh hưởng đến các khách hàng đang có tài khoản giao dịch tại công ty.
- Mục tiêu của SMARTSC là luôn luôn hoàn thành các trách nhiệm thanh toán vừa mình, trong cả các trường hợp thị trường gặp nhiều biến động bất lợi. Công ty đã xây dựng một hệ thống kiểm soát nguồn vốn chặt chẽ nhằm phân bổ vốn hiệu quả, không để xảy ra tình trạng mất cân đối vốn; đa dạng đối tác huy động vốn cho công ty để SMARTSC chủ động về nguồn vốn; xây dựng hệ thống đánh giá các chỉ tiêu an toàn tài chính và đưa ra các cấp cảnh báo để xử lý kịp thời; thực hiện công tác trích lập đủ số tiền dự phòng cho các kịch bản xấu xảy ra.

3.6 *Rủi ro về cạnh tranh*

- Hiện nay, số lượng các công ty chứng khoán tại Việt Nam đã giảm tuy nhiên sự cạnh tranh giữa các công ty vẫn rất gay gắt. Các công ty chứng khoán liên tiếp đưa ra các hình thức để thu hút khách hàng như giảm phí giao dịch, tặng quà, hỗ trợ khi mở tài khoản mới, trả thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư... Mặt khác, hình thức cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng phát triển, không chỉ dựa trên mức phí mà cả những dịch vụ tiện ích đến nhà đầu tư, tạo sức ép không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng. Mặc dù vậy, cạnh tranh cũng tạo động lực và cơ hội cho các công ty chứng khoán có chiến lược đầu tư, chính sách nhân sự hợp lý, nắm bắt được tính quy luật và phát triển của thị trường. Trong khi đó, các công ty chứng khoán nhỏ và yếu hơn sẽ dần không chịu được sự cạnh tranh gay gắt và phải rời bỏ thị trường.

4. *Rủi ro đối với trái phiếu phát hành*

4.1 *Đặc điểm của Trái phiếu*

- Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không chuyển đổi, không có đảm bảo mà trong trường hợp thanh lý Tổ chức phát hành, người sở hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức phát hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác. Quyền của Người sở hữu Trái phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền của các chủ nợ có đảm bảo và không có bảo đảm khác của Công ty. Trái phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên trước Trái phiếu mà Công ty có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

4.2 *Rủi ro về lãi suất*

- Do Trái phiếu phát hành của Công ty là Trái phiếu có lãi suất cố định nên sự biến động của lãi suất trên thị trường sẽ không ảnh hưởng đến nghĩa vụ trả nợ của Công ty. Trong trường hợp lãi suất thị trường biến động tăng so với thời điểm nhà đầu tư mua Trái phiếu của Công ty thì người mua Trái phiếu vẫn chỉ nhận được khoản lãi theo lãi suất cũ (lãi suất cố định của Trái phiếu), thấp hơn lãi suất hiện tại của thị trường.

4.3 *Rủi ro thanh khoản*

- Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest không có ý định xin niêm yết Trái phiếu vì vậy Trái phiếu sẽ không được giao dịch trên thị trường chính thức. Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái phiếu trên thị trường và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái phiếu sẽ phát triển. Giả thiết có thị trường thứ cấp thì Trái phiếu có thể được giao dịch với giá cao hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của Công ty và thị trường của những chứng khoán tương tự.

4.4 *Rủi ro về thuế*

- Lãi suất Trái phiếu là đối tượng bị khấu trừ hoặc khấu lưu thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam. Điều này khiến lãi suất thực tế mà nhà đầu tư nhận được có thể thấp hơn so với lãi suất quy định trên Trái phiếu do bị khấu trừ thuế trước khi trả lãi.

5. *Rủi ro khác*

- Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, ... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để báo trước và một khi đã phát sinh thì thường gây thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn các cơ sở kinh doanh, trang trại.

PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- 2. Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
- 3. Phụ lục III:** Các báo cáo tài chính được kiểm toán
- 4. Các phụ lục khác**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST**



Ngô Thị Thùy Linh